

DANH SÁCH

**Các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Khu đô thị thể thao Olympic
Địa bàn thôn Bùi Xá, xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội (Đợt 1)**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày /05/2026 của Chủ tịch UBND xã Tam Hưng)

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(10)	(8)	(9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I.	TỔNG				6	254	194.759,30	194.533,80	225,50							
1	Hộ ông Lê Bá Duy	001084004552	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	77	61,00	61,00	0,00	LUC	00	07	61,00	LUC	CE 397894	29/09/2016
				Diêm Bùi	53	212	435,00	435,00	0,00	LUC	00	02	435,00	LUC		
2	Hộ ông Đàm Duy Hương	001079012904	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	54	44	475,00	475,00	0,00	LUC	00	02	475,00	LUC	CE 397918	29/09/2016
3	Hộ ông Nguyễn Văn Lực	001058014619	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	49	820,00	820,00	0,00	LUC	00	02	820,00	LUC	CE 397318	30/09/2016
4	Hộ ông Nguyễn Văn Đăng	001066006385	Thôn Bùi Xá	Diêm Văn	53	155	1.515,00	1.515,00	0,00	LUC	00	01	1515,00	LUC	CE 586194	30/09/2016
5	Hộ ông Nguyễn Văn Truy	001091015863	Thôn Bùi Xá	Nhà Rẽ	54	42	830,00	830,00	0,00	LUC	00	03	830,00	LUC	CE 586219	30/09/2016
6	Hộ ông Nguyễn Văn Lữ	001083009385	Thôn Bùi Xá	Nhà Rẽ	54	30	829,00	829,00	0,00	LUC	00	01	829,00	LUC	CE 586217	30/09/2016
7	Hộ ông Nguyễn Văn Vị	001089015298	Thôn Bùi Xá	Nhà Rẽ	54	13	829,00	829,00	0,00	LUC	00	02	829,00	LUC	CE 586218	30/09/2016
8	Hộ bà Bùi Thị Diệu Hằng	001184009619	Thôn Bùi Xá	Nhà Rẽ	54	9	303,00	303,00	0,00	LUC	00	2	303,00	LUC	CH 210036	28/12/2016
				Diêm Bùi	53	176	95,00	95,00	0,00	LUC	00	5	95,00	LUC		
9	Hộ ông Đàm Văn Bình (Khẩn)	001069007121	Thôn Bùi Xá	Diêm Văn	53	144	998,00	998,00	0,00	LUC	00	01	998,00	LUC	CE 586195	30/09/2016
				Diêm Bùi	53	235	540,00	540,00	0,00	LUC	00	06	540,00	LUC		
10	Hộ bà Kiều Thị Ngọc Hà	001179012273	Thôn Bùi Xá	Diêm Văn	53	124	1.178,00	1.178,00	0,00	LUC	00	2	1178,00	LUC	CH 210049	28/12/2016
11	Hộ ông Nguyễn Văn Đợi	001075011175	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	44	88	1.275,00	1.275,00	0,00	LUC	00	02	1275,00	LUC	CE 586198	30/09/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
12	Hộ ông Nguyễn Văn Thương	001088028950	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	44	59	681,00	681,00	0,00	LUC	00	03	681,00	LUC	CE 586196	30/09/2016
13	Hộ bà Nguyễn Thị Liên	001177009002	Thôn Song Khê	Thối Cò	44	55	425,00	425,00	0,00	LUC	00	04	425,00	LUC	CE 586197	30/09/2016
14	Hộ ông Nguyễn Văn Thịnh	001053019804	Thôn Bùi Xá	Điểm Văn	53	134	326,00	326,00	0,00	LUC	00	03	326,00	LUC	CE 397651	27/09/2016
				Điểm Văn	53	202	875,00	875,00	0,00	LUC	00	02	875,00	LUC		
15	Nguyễn Tiến Thịnh (đã chết) DD Đám Thị Bền	001139000329	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùi	53	130	666,00	666,00	0,00	LUC	00	02	666,00	LUC	CE 586199	30/09/2016
16	Hộ ông Nguyễn Văn Minh	001176011091	Thôn Bùi Xá	Nhà Rẽ	54	37	150,00	150,00	0,00	LUC	00	02	150,00	LUC	CE 397653	27/09/2016
				Sáo	54	106	702,00	702,00	0,00	LUC	00	03	702,00	LUC		
17	Hộ ông Đám Văn Định (Đã chết) - Vợ: Nguyễn Thị Chính	001156005176	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùi	53	210	1.539,00	1.539,00	0,00	LUC	00	3	1539,00	LUC	CH 210005	28/12/2016
18	Nguyễn Văn Thiện	001080012486	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	89	1.202,00	1.202,00	0,00	LUC	00	2	1202,00	LUC	CH 210053	28/12/2016
19	Hộ bà Trần Thị Hiền	001152003745	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùi	53	205	816,00	816,00	0,00	LUC	00	1	816,00	LUC	CH210001	28/12/2016
				Sáo	53	96	909,00	909,00	0,00	LUC	00	1	909,00	LUC		
20	Hộ ông Nguyễn Văn Bình	001087015221	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùi	53	172	720,00	720,00	0,00	LUC	00	1	720,00	LUC	CH 210047	28/12/2016
21	Hộ ông Đám Văn Thắng	001066004387	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	44	126	109,00	109,00	0,00	LUC	00	1	109,00	LUC	CH 210004	28/12/2016
22	Hộ ông Đám Văn Tuấn (Đã Chết) - Vợ Nguyễn Thị Tuyết	001176025821	Thôn Văn Khê	Điểm Bùi	54	110	1.240,00	1.240,00	0,00	LUC	00	3	1240,00	LUC	CH 210006	28/12/2016
23	Hộ ông Nguyễn Việt Hùng	001086005139	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	54	51	358,00	358,00	0,00	LUC	00	1	358,00	LUC	CH 210038	28/12/2016
24	Hộ ông Nguyễn Văn Diếp	001064007894	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	54	33	350,00	350,00	0,00	LUC	00	01	350,00	LUC	CE 397264	30/09/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
25	Hộ bà Nguyễn Thị Hồng Vui	001155011446	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	55	178,00	178,00	0,00	LUC	00	10	178,00	LUC	CE 397688	27/09/2016
26	Hộ ông Lê Minh Khôi	001073000587	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	53	21	498,00	498,00	0,00	LUC	00	4	498,00	LUC	CH 210033	28/12/2016
27	Hộ bà Lê Thị Vương	001156005134	Thôn Bùi Xá	Diềm Ván	53	174	1.828,00	1.828,00	0,00	LUC	00	01	1828,00	LUC	CE 397914	29/09/2016
28	Hộ ông Hoàng Tùng	001069037185	Thôn Bùi Xá	Diềm Ván	53	108	777,00	777,00	0,00	LUC	00	01	777,00	LUC	CE 397872	29/09/2016
29	Hộ ông Hoàng Trọng Khước	001083011798	Thôn Bùi Xá	Diềm Ván	53	105	539,00	539,00	0,00	LUC	00	02	539,00	LUC	CE 397692	27/09/2016
30	Hộ ông Hoàng Anh Khắc	001086047186	Thôn Bùi Xá	Diềm Ván	53	97	540,00	540,00	0,00	LUC	00	03	540,00	LUC	CE 397694	27/09/2016
31	Hộ ông Kiều Văn Vụ	001085053482	Thôn Bùi Xá	Diềm Búi	53	179	714,00	714,00	0,00	LUC	00	3	714,00	LUC	CH 210043	28/12/2016
32	Hộ ông Lê Đức Hiền	001074012133	Thôn Bùi Xá	Bồ O	54	4	1.643,00	1.643,00	0,00	LUC	00	01	1643,00	LUC	CH 210026	28/12/2016
				Diềm Ván	53	142	828,00	828,00	0,00	LUC	00	02	828,00	LUC		
33	Hộ ông Nguyễn Văn Ròng	001064030461	Thôn Bùi Xá	Cỏ Hạc	54	35	794,00	794,00	0,00	LUC	00	02	794,00	LUC	CE 397649	27/09/2016
34	Hộ ông Nguyễn Văn Khôi	001072007823	Thôn Bùi Xá	Cỏ Hạc	54	53	1.394,00	1.394,00	0,00	LUC	00	01	1394,00	LUC	CE 397652	27/09/2016
				Diềm Ván	53	161	187,00	187,00	0,00	LUC	00	02	187,00	LUC		
35	Hộ ông Kiều Văn Triều	001070008149	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	54	1.215,00	1.215,00	0,00	LUC	00	04	1215,00	LUC	CE 586212	30/09/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
36	Hộ ông Kiều Văn Thuận	001072010291	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	48	675,00	675,00	0,00	LUC	00	03	675,00	LUC	CE 586214	30/09/2016
37	Hộ ông Kiều Văn Mùa	001074008899	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	29	716,00	716,00	0,00	LUC	00	01	716,00	LUC	CE 586215	30/09/2016
38	Hộ ông Kiều Việt Đức	001070051716	Thôn Bùi Xá	Thối Cỏ	53	33	454,00	454,00	0,00	LUC	00	01	454,00	LUC	CE 397684	27/09/2016
39	Hộ ông Bùi Đức Hậu	001064007263	Thôn Bùi Xá	Cỏ Hạc	55	4	1.131,00	1.131,00	0,00	LUC	00	03	1131,00	LUC	CH 397695	27/09/2016
				Nhà Rẽ	54	17	1.283,00	1.283,00	0,00	LUC	00	02	1283,00	LUC		
40	Hộ ông Nguyễn Văn Thuận	001077019312	Thôn Bùi Xá	Nhà Rẽ	54	3	1.283,00	1.283,00	0,00	LUC	00	1	1283,00	LUC	CH 210034	28/12/2016
41	Hộ ông Nguyễn Văn Thuận (Chín)	001073009383	Thôn Bùi Xá	Điểm Bụi	53	198	653,00	653,00	0,00	LUC	00	2	653,00	LUC	CH 210025	28/12/2016
				Sáo	54	6	2.723,00	2.723,00	0,00	LUC	00	1	2723,00	LUC		
42	Hộ ông Đàm Văn Bình (Thoả)	001068007212	Thôn Bùi Xá	Điểm Bụi	53	162	1.838,00	1.838,00	0,00	LUC	00	2	1838,00	LUC	CE 397656	27/09/2016
43	Hộ ông Nguyễn Thành Đô (Dưa)	001074000288	Thôn Bùi Xá	Điểm Bụi	54	113	873,00	873,00	0,00	LUC	00	03	873,00	LUC	CE 397679	27/09/2016
44	Hộ ông Đàm Văn Long	001064006259	Thôn Bùi Xá	Điểm Bụi	53	141	1.571,00	1.571,00	0,00	LUC	00	01	1571,00	LUC	CE 397654	27/09/2016
45	Hộ ông Kiều Văn Vọng	001053000492	Thôn Bùi Xá	Điểm Bụi	53	186	1.127,00	1.127,00	0,00	LUC	00	00	1127,00	LUC	CH 210011	28/12/2016
46	Hộ ông Đàm Văn Nam	001060041382	Thôn Bùi Xá	Đồng Bò O	45	21	1.548,10	1.322,60	225,50	LUC	00	02	1548,10	LUC	CE 397418	30/09/2016
				Cỏ Hạc	55	18	1.192,00	1.192,00	0,00	LUC	00	03	1192,00	LUC		
47	Hộ bà Kiều Thị Pháp	001179020236	Đội 15, Thôn Văn Khê	Cỏ Hạc	55	8	324,00	324,00	0,00	LUC	00	02	324,00	LUC	CE 397905	29/09/2016
48	Hộ ông Nguyễn Văn Trường (Đã chết) -DD Vợ Nguyễn Thị Hạnh	001156001241	Thôn Bùi Xá	Cỏ Hạc	55	10	1.046,50	1.046,50	0,00	LUC	00	03	1046,50	LUC	CE 397926	29/09/2016
				Nhà Rẽ	44	74	649,50	649,50	0,00	LUC	00	01	649,50	LUC		

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
49	Hộ ông Nguyễn Văn Quang (đã chết) DD Đỗ Thị Tại	001156005133	Thôn Bùi Xá	Sáo	53	103	2.203,00	2.203,00	0,00	LUC	00	01	2203,00	LUC	CE 397328	30/09/2016
				Cỏ Hạc	55	15	599,00	599,00	0,00	LUC	00	03	599,00	LUC		
50	Hộ bà Kiều Thị Thương (Đã chết) DD Kiều Việt Đức	001195036560	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	53	49	260,00	260,00	0,00	LUC	00	02	260,00	LUC	CE 397685	27/09/2016
51	Hộ ông Vũ Văn Phương (Đại diện bà Nguyễn Thị Tâm)	001163035385	Thôn Bùi Xá	Diêm Bùi	53	181	890,00	890,00	0,00	LUC	00	01	890,00	LUC	CE 397882	29/09/2016
52	Hộ ông Đỗ Huy Du	001063006582	Thôn Bùi Xá	Diêm Văn	53	115	607,00	607,00	0,00	LUC	00	01	607,00	LUC	CE 397659	27/09/2016
53	Hộ ông Nguyễn Văn Công	001068014087	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	53	42	1.032,00	1.032,00	0,00	LUC	00	02	1032,00	LUC	CE 397911	29/09/2016
54	Hộ ông Vũ Văn Phúc (Hiện)	001072019631	Thôn Bùi Xá	Diêm Bùi	53	187	214,00	214,00	0,00	LUC	00	03	214,00	LUC	CE 397855	29/09/2016
55	Hộ ông Vũ Văn Ngan (Hiện)	001080041391	Thôn Bùi Xá	Diêm Bùi	53	195	530,00	530,00	0,00	LUC	00	4	530,00	LUC	CH 210042	28/12/2016
56	Hộ ông Vũ Văn Đức (Hiện)	001078039326	Thôn Bùi Xá	Diêm Bùi	53	199	546,00	546,00	0,00	LUC	00	05	546,00	LUC	CE 397899	29/09/2016
57	Hộ ông Vũ Văn Trọng	001058033502	Thôn Bùi Xá	Diêm Văn	53	84	596,00	596,00	0,00	LUC	00	04	596,00	LUC	CE 397663	27/09/2016
58	Hộ ông Vũ Văn Tân	001087020695	Thôn Bùi Xá	Diêm Văn	53	93	597,00	597,00	0,00	LUC	00	03	597,00	LUC	CE 397664	27/09/2016
59	Hộ ông Vũ Văn Tú	001084025451	Thôn Bùi Xá	Diêm Văn	53	98	596,00	596,00	0,00	LUC	00	02	596,00	LUC	CE 397665	27/09/2016
60	Hộ ông Vũ Văn Nguyên	001065006034	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	20	756,00	756,00	0,00	LUC	00	01	756,00	LUC	CE 397877	29/09/2016
61	Hộ ông Vũ Văn Phán đã chết (Đại diện là Vũ Văn Nguyên)	001065006034	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	31	252,00	252,00	0,00	LUC	00	03	252,00	LUC	CE 397879	29/09/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
62	Hộ ông Vũ Văn Quyết	001088030066	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	23	252,00	252,00	0,00	LUC	00	02	252,00	LUC	CE 397878	29/09/2016
63	Hộ ông Nguyễn Văn Nội	001064019064	Thôn Bùi Xá	Diêm Văn	53	214	876,00	876,00	0,00	LUC	00	01	876,00	LUC	CE397326	10/05/2021
64	Hộ bà Bùi Thị Lệ	001176012131	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	69	608,00	608,00	0,00	LUC	00	04	608,00	LUC	CE 397321	30/09/2016
65	Hộ ông Bùi Văn Hoat	001078010941	Thôn Bùi Xá	Đồng Sáo	54	64	996,00	996,00	0,00	LUC	00	03	996,00	LUC	CE 397322	30/09/2016
66	Kiều Hồng Phương	001070026906	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	46	414,00	414,00	0,00	LUC	00	01	414,00	LUC	CE 397650	27/09/2016
67	Hộ bà Vũ Thị Chung	001177009507	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	59	424,80	424,80	0,00	LUC	00	2	424,80	LUC	CH 210052	28/12/2016
				Diêm Văn	53	113	391,00	391,00	0,00	LUC	00	6	391,00	LUC		
68	Hộ ông Đàm Văn Hiệp (Đã chết) - Vợ Đỗ Thị Thư	001161013253	Thôn Bùi Xá	Thối Co	53	15	2.162,00	2.162,00	0,00	LUC	00	02	2162,00	LUC	CE 397323	30/09/2016
				Diêm Văn	53	110	373,00	373,00	0,00	LUC	00	05	373,00	LUC		
69	Hộ ông Nguyễn Văn Trường (Cam)	001062009190	Thôn Bùi Xá	Diêm Văn	53	189	1.056,00	1.056,00	0,00	LUC	00	2	1056,00	LUC	CH 210027	28/12/2016
70	Hộ ông Bùi Văn Tắc	001060005710	Thôn Bùi Xá	Diêm Văn	53	197	901,00	901,00	0,00	LUC	00	01	901,00	LUC	CE 397262	30/09/2016
71	Hộ ông Kiều Duy Hiệp (Bà Đàm Thị Thứ)	001154004464	Thôn Bùi Xá	Diêm Văn	61	11	726,90	726,90	0,00	LUC	00	04	728,00	LUC	CE 397272	30/09/2016
72	Hộ ông Bùi Văn Hạnh	001060009577	Thôn Bùi Xá	Đồng Sáo	54	84	1.669,00	1.669,00	0,00	LUC	00	05	1669,00	LUC	CE 397308	30/09/2016
73	Hộ ông Nguyễn Văn Thành	001078040934	Thôn Bùi Xá	Bồ O	54	21	683,00	683,00	0,00	LUC	00	01	683,00	LUC	CE 397689	27/09/2016
				Diêm Bùi	53	208	95,00	95,00	0,00	LUC	00	06	95,00	LUC		
74	Hộ ông Nguyễn Văn Sơn	001072043877	Thôn Bùi Xá	Bồ O	54	7	1.053,00	1.053,00	0,00	LUC	00	01	1053,00	LUC	CE 397887	29/09/2016
				Diêm Văn	53	151	562,00	562,00	0,00	LUC	00	04	562,00	LUC		
75	Hộ ông Nguyễn Văn Tấn	001075041857	Thôn Bùi Xá	Bồ O	54	19	790,00	790,00	0,00	LUC	00	02	790,00	LUC	CE 397888	29/09/2016
				Diêm Văn	53	147	421,00	421,00	0,00	LUC	00	03	421,00	LUC		

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
76	Hộ ông Nguyễn Trọng Tấn	001067037516	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	52	803,00	803,00	0,00	LUC	00	06	803,00	LUC	CE 397645	27/09/2016
77	Hộ bà Nguyễn Thị Rén (Nguyễn Thị Dén)	001133001105	Thôn Bùi Xá	Bồ O	54	25	760,00	760,00	0,00	LUC	00	02	760,00	LUC	CE 397854	29/09/2016
				Diêm Bùi	53	211	94,00	94,00	0,00	LUC	00	07	94,00	LUC		
78	Hộ ông Nguyễn Văn Đông	001066008736	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	38	427,00	427,00	0,00	LUC	00	05	427,00	LUC	CE 397856	29/09/2016
79	Hộ bà Nguyễn Thị Úa	001074015641	Thôn Bùi Xá	Bồ O	45	40	805,00	805,00	0,00	LUC	00	2	805,00	LUC	CH 210007	28/12/2016
80	Hộ ông Nguyễn Xuân Việt	001076013256	Thôn Bùi Xá	Bồ O	45	38	202,80	202,80	0,00	LUC	00	06	202,80	LUC	CE 397880	29/09/2016
				Sáo	54	71	437,70	437,70	0,00	LUC	00	10	437,70	LUC		
81	Hộ ông Nguyễn Văn Vệ	001049004154	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	60	583,60	583,60	0,00	LUC	00	07	583,60	LUC	CE 397667	27/09/2016
82	Hộ bà Nguyễn Thị Tim	001174023173	Thôn Song Khê, Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	Bồ O	45	27	135,20	135,20	0,00	LUC	00	04	135,20	LUC	CE 397881	29/09/2016
				Sáo	54	65	291,80	291,80	0,00	LUC	00	08	291,80	LUC		
83	Hộ bà Nguyễn Thị Kim Dung	001186037084	Thôn Gia Vinh, Tam Hưng, Hà Nội	Bồ O	45	37	67,60	67,60	0,00	LUC	00	05	67,60	LUC	CE 397668	27/09/2016
				Sáo	54	74	145,90	145,90	0,00	LUC	00	09	145,90	LUC		
84	Hộ ông Đỗ Huy Định	001064005999	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	53	59	1.373,00	1.373,00	0,00	LUC	00	01	1373,00	LUC	CE 397658	27/09/2016
85	Hộ ông Bùi Văn Thuớc (đã chết) DD vợ Nguyễn Thị Hường	001059004096	Thôn Bùi Xá	Nhà Rẽ	54	2	1.153,00	1.153,00	0,00	LUC	00	2	1153,00	LUC	CH 210037	28/12/2016
				Diêm Bùi	53	171	363,00	363,00	0,00	LUC	00	7	363,00	LUC		
86	Hộ ông Đàm Văn Đốc	001086045457	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	44	31	487,00	487,00	0,00	LUC	00	04	487,00	LUC	CE 397925	29/09/2016
87	Hộ ông Kiều Bá Hình	001083051243	Thôn Bùi Xá	Bồ O	45	25	568,00	568,00	0,00	LUC	00	02	568,00	LUC	CE 397305	30/09/2016
				Thối Cò	53	75	1.101,00	1.101,00	0,00	LUC	00	01	1101,00	LUC		
88	Hộ ông Kiều Văn Ba	001091012337	Thôn Bùi Xá	Bồ O	55	3	568,00	568,00	0,00	LUC	00	01	568,00	LUC	CE 397304	30/09/2016
				Thối Cò	53	68	650,00	650,00	0,00	LUC	00	02	650,00	LUC		

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
89	Hộ ông Đàm Văn Quý	001081029117	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	44	60	716,00	716,00	0,00	LUC	00	03	716,00	LUC	CE 397922	29/09/2016
90	Hộ ông Nguyễn Văn Tân	001062046272	Thôn Bùi Xá	Diễm Văn	53	76	309,00	309,00	0,00	LUC	00	03	309,00	LUC	CE 397314	30/09/2016
91	Hộ ông Nguyễn Văn Khải	001087031751	Thôn Bùi Xá	Diễm Văn	53	79	308,00	308,00	0,00	LUC	00	04	308,00	LUC	CE 397315	30/09/2016
92	Hộ ông Nguyễn Văn Lập	001085048717	Thôn Bùi Xá	Bồ O	45	26	401,00	401,00	0,00	LUC	00	03	401,00	LUC	CE 397316	30/09/2016
				Diễm Văn	53	70	308,00	308,00	0,00	LUC	00	05	308,00	LUC		
93	Hộ ông Nguyễn Văn Táp	001083047746	Thôn Bùi Xá	Bồ O	45	42	401,00	401,00	0,00	LUC	00	04	401,00	LUC	CE 397317	30/09/2016
				Diễm Văn	53	67	308,00	308,00	0,00	LUC	00	06	308,00	LUC		
94	Hộ ông Đỗ Văn Khương	001064006300	Thôn Bùi Xá	Diễm Văn	53	94	643,00	643,00	0,00	LUC	00	01	643,00	LUC	CE 397311	30/09/2016
95	Hộ ông Nguyễn Thành Đồng	001058006157	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	54	26	1.119,00	1.119,00	0,00	LUC	00	1	1119,00	LUC	CH 210002	28/12/2016
96	Hộ ông Nguyễn Thanh Khiết	001068032433	Thôn Bùi Xá	Bồ O	45	39	717,00	717,00	0,00	LUC	00	02	717,00	LUC	CE 397852	29/9/2016
97	Hộ bà Đàm Thị Thuý	001151003016	Thôn Bùi Xá	Đồng Bồ O	55	5	1.906,00	1.906,00	0,00	LUC	00	01	1906,00	LUC	CE 397327	30/09/2016
				Diễm Văn	53	122	959,00	959,00	0,00	LUC	00	04	959,00	LUC		
98	Hộ ông Đàm Văn Tứ	001079020662	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	44	96	800,00	800,00	0,00	LUC	00	01	800,00	LUC	CE 397924	29/09/2016
99	Hộ ông Nguyễn Minh Thọ	001077020974	Thôn Bùi Xá	Cỏ Hạc	55	16	191,00	191,00	0,00	LUC	00	04	191,00	LUC	CE 397927	29/09/2016
100	Hộ bà Kiều Kim Anh	001173022962	Thôn Bùi Xá	Nhà Rẽ	44	98	633,50	633,50	0,00	LUC	00	02	633,50	LUC	CE 397907	29/09/2016
				Cỏ Hạc	54	27	224,50	224,50	0,00	LUC	00	01	224,50	LUC		

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
101	Hộ ông Nguyễn Văn Đường	001080015865	Thôn Bùi Xá	Cỏ Hạc	55	12	477,00	477,00	0,00	LUC	00	02	477,00	LUC	CE 397329	30/09/2016
				Nhà Rẽ	44	83	320,00	320,00	0,00	LUC	00	03	320,00	LUC		
102	Hộ ông Nguyễn Văn Cầu	001075043384	Thôn Bùi Xá	Cỏ Hạc	55	17	716,00	716,00	0,00	LUC	00	01	716,00	LUC	CE 397330	30/09/2016
				Nhà Rẽ	44	115	479,00	479,00	0,00	LUC	00	04	479,00	LUC		
103	Hộ ông Đàm Văn Cầu	001071008831	Thôn Bùi Xá	Nhà Rẽ	44	50	724,00	724,00	0,00	LUC	00	01	724,00	LUC	CE 586191	30/09/2016
104	Hộ ông Phan Văn Quảng	001070016799	Thôn Bùi Xá	Nhà Rẽ	44	66	1.149,00	1.149,00	0,00	LUC	00	02	1149,00	LUC	CE 586205	30/09/2016
				Thối Cỏ	44	130	989,00	989,00	0,00	LUC	00	02	989,00	LUC		
105	Hộ ông Phan Thanh Bình	001067010063	Thôn Bùi Xá	Nhà Rẽ	44	86	1.231,00	1.231,00	0,00	LUC	00	03	1231,00	LUC	CE 586204	30/09/2016
				Thối Cỏ	44	92	989,00	989,00	0,00	LUC	00	03	989,00	LUC		
106	Hộ ông Nguyễn Văn Lượng	001065006874	Thôn Bùi Xá	Nhà Rẽ	44	135	1.022,00	1.022,00	0,00	LUC	00	05	1022,00	LUC	CE 397320	30/09/2016
				Sáo	54	108	973,00	973,00	0,00	LUC	00	03	973,00	LUC		
107	Hộ ông Lê Văn Phương	001068007814	Thôn Bùi Xá	Nhà Rẽ	44	28	1.110,00	1.110,00	0,00	LUC	00	02	1110,00	LUC	CE 397391	30/09/2016
108	Hộ ông Đàm Văn Giang	001069004879	Thôn Bùi Xá	Thối Cỏ	53	31	764,00	764,00	0,00	LUC	00	05	764,00	LUC	CE397273	30/09/2016
				Nhà Rẽ	54	24	1.275,00	1.275,00	0,00	LUC	00	01	1275,00	LUC		
109	Hộ ông Kiều Xuân Quý	001065011716	Thôn Bùi Xá	Nhà Rẽ	54	34	1.363,00	1.363,00	0,00	LUC	00	02	1363,00	LUC	CE 586057	27/09/2016
110	Hộ ông Nguyễn Văn Khả	001082016939	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	56	629,00	629,00	0,00	LUC	00	03	629,00	LUC	CE 397319	30/09/2016
111	Hộ ông Nguyễn Văn Hà (Tôm)	001066048551	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	63	178,00	178,00	0,00	LUC	00	05	178,00	LUC	CE 397687	27/09/2016
112	Hộ bà Nguyễn Thị La	001163015748	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	50	805,00	805,00	0,00	LUC	00	04	805,00	LUC	CE 397891	29/09/2016
113	Hộ ông Nguyễn Học Ba	001091018638	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	18	951,00	951,00	0,00	LUC	00	08	951,00	LUC	CE 397662	27/09/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
114	Hộ bà Đàm Thị Chi (Đã chết) con Nguyễn Thị Cru đại diện	001142015363	Thôn Bùi Xá	Đồng Sáo	54	39	580,00	580,00	0,00	LUC	00	04	580,00	LUC	CE 397666	27/09/2016
115	Hộ ông Lê Văn Hoàng	001082010634	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	75	91,50	91,50	0,00	LUC	00	08	91,50	LUC	CE 397647	27/09/2016
				Diêm Bùi	53	207	651,00	651,00	0,00	LUC	00	01	651,00	LUC		
116	Hộ ông Lê Văn Tuyển	001086018734	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	79	152,50	152,50	0,00	LUC	00	06	152,50	LUC	CE 397893	29/09/2016
				Diêm Bùi	53	216	434,50	434,50	0,00	LUC	00	03	434,50	LUC	CE 397893	
117	Hộ bà Lê Thị Mẫn	001147003596	P4 - C12, Phường Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	Sáo	54	70	952,00	952,00	0,00	LUC	00	05	952,00	LUC	CE 397873	29/09/2016
118	Hộ bà Kiều Thị Xoan	001179031471	Văn Khê Tam Hưng, Hà Nội	Sáo	54	40	515,00	515,00	0,00	LUC	00	02	515,00	LUC	CE 586213	30/09/2016
119	Hộ bà Đàm Thị Vinh (Quy)	001164038334	Thôn Bùi Xá	Đồng Sáo	54	47	1.792,00	1.792,00	0,00	LUC	00	01	1792,00	LUC	CE 586220	30/09/2016
120	Hộ bà Kiều Thị Chân	001163010936	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	66	1.501,00	1.501,00	0,00	LUC	00	02	1501,00	LUC	CG 185967	30/12/2016
121	Hộ bà Dương Thị Lan	001153004013	Thôn Bùi Xá	Đồng Sáo	54	81	1.213,00	1.213,00	0,00	LUC	00	03	1213,00	LUC	CE 397655	27/09/2016
122	Hộ ông Đàm Văn Tuấn (Đã chết) - Vợ là Lê Thị Mai	001068004998	Thôn Bùi Xá	Diêm Bùi	53	157	806,00	806,00	0,00	LUC					Chưa có GCN	
				Đồng Sáo	54	62	1.700,00	1.700,00	0,00	LUC						
123	Hộ ông Nguyễn Văn Mạ	001053000561	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	80	1.411,00	1.411,00	0,00	LUC	00	02	1411,00	LUC	CE 397895	29/09/2016
124	Hộ ông Nguyễn Văn Hiến	001074016355	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	87	486,00	486,00	0,00	LUC	00	03	486,00	LUC	CE397336	30/09/2016
125	Hộ ông Nguyễn Thị Tuyết	001169032734	Thôn Quan Nhân	Sáo	54	94	486,00	486,00	0,00	LUC	00	04	486,00	LUC	CE 397335	30/09/2016
126	Hộ ông Đàm Đức Đạt	001081029517	Thôn Bùi Xá	Đồng Sáo	54	92	720,00	720,00	0,00	LUC	00	06	720,00	LUC	CE 397332	30/09/2016
127	Hộ ông Đàm Văn Vui	001054004444	Thôn Bùi Xá	Đồng Sáo	54	90	543,00	543,00	0,00	LUC	00	05	543,00	LUC	CE 397331	30/09/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
128	Hộ ông Đàm Văn Tuyển (chết) Vợ Nguyễn Thị Nhâm	001173038749	Thôn Văn Khê	Đồng Sáo	54	82	769,00	769,00	0,00	LUC	00	04	769,00	LUC	CE 397307	30/09/2016
129	Hộ ông Phan Văn Tín	001057006689	Thôn Văn Khê	Sáo	54	78	684,00	684,00	0,00	LUC	00	03	684,00	LUC	CE 397423	30/09/2016
				Diêm Văn	61	8	782,70	782,70	0,00	LUC	00	03	800,00	LUC		
130	Hộ ông Nguyễn Trọng Khoát đã chết (Đại diện là bà Đàm Thị Hiên)	001173021049	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	72	737,00	737,00	0,00	LUC	00	02	737,00	LUC	CE 397334	30/09/2016
131	Hộ ông Kiều Mạnh Tường	001082008264	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	61	630,00	630,00	0,00	LUC	00	01	630,00	LUC	CE 397270	30/09/2016
132	Hộ ông Kiều Huy Chương	001084007477	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	67	810,00	810,00	0,00	LUC	00	01	810,00	LUC	CE 397670	27/09/2016
133	Hộ ông Kiều Văn Thường	001087002207	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	68	1.070,00	1.070,00	0,00	LUC	00	03	1070,00	LUC	CE 397671	27/09/2016
134	Hộ bà Kiều Thị Hào	001182003270	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	73	433,00	433,00	0,00	LUC	00	02	433,00	LUC	CE 397672	27/09/2016
135	Hộ ông Lê Tuấn Đức	001075013966	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	76	1.179,80	1.179,80	0,00	LUC	00	01	1179,80	LUC	CE 397890	29/09/2016
136	Hộ ông Nguyễn Văn Thuận (Thảo)	001060034239	Thôn Bùi Xá	Diêm Văn	53	183	1.697,00	1.697,00	0,00	LUC	00	01	1697,00	LUC	CE 586225	30/09/2016
137	Hộ bà Kiều Thị Hoà	001180012209	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	85	848,80	848,80	0,00	LUC	00	2	848,80	LUC	CH 210051	28/12/2016
138	Hộ ông Lê Tuấn Phúc	001075010028	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	93	1.170,10	1.170,10	0,00	LUC	00	03	1170,10	LUC	CE 397642	27/9/2016
139	Đàm Thị Cẩm Nha	001174033879	Thôn Song Khê	Đồng Sáo	54	103	954,30	954,30	0,00	LUC	00	4	954,30	LUC	CH 210040	28/12/2016
140	Hộ ông Nguyễn Văn Đáng	001053013760	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	98	1.593,00	1.593,00	0,00	LUC	00	4	1593,00	LUC	CH 210029	28/12/2016
141	Hộ ông Đàm Văn Bộ	001084064714	Thôn Bùi Xá	Đồng Sáo	54	102	1.162,80	1.162,80	0,00	LUC	00	03	1230,00	LUC	CE 586193	30/09/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
142	Hộ ông Kiều Văn Ân	001077039890	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	44	121	1.043,00	1.043,00	0,00	LUC	00	04	1043,00	LUC	CE 397301	30/09/2016
				Điểm Bùn	54	109	637,00	637,00	0,00	LUC	00	05	637,00	LUC		
143	Hộ ông Kiều Văn Phục	001082048880	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùn	54	107	638,00	638,00	0,00	LUC	00	04	638,00	LUC	CE 397302	30/09/2016
				Thối Cò	54	1	254,00	254,00	0,00	LUC	00	03	254,00	LUC		
144	Hộ ông Nguyễn Văn Luận	001075024304	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùn	54	105	1.127,00	1.127,00	0,00	LUC	00	3	1127,00	LUC	CH 210041	28/12/2016
145	Hộ bà Nguyễn Thị Tuyền	001186005371	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùn	54	101	360,00	360,00	0,00	LUC	00	02	360,00	LUC	CE 397420	30/09/2016
146	Hộ ông Đàm Văn Gián	001059017744	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùn	53	107	1.769,00	1.769,00	0,00	LUC	00	01	1769,00	LUC	CE 397306	30/09/2016
147	Hộ ông Nguyễn Thành Hiện	001070005835	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùn	54	112	639,00	639,00	0,00	LUC	00	7	639,00	LUC	CH 210018	28/12/2016
148	Hộ ông Nguyễn Văn Nghị (đã chết) - Vợ: Hoàng Thị Anh	001172038952	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùn	53	173	838,00	838,00	0,00	LUC	00	2	838,00	LUC	CH 210020	28/12/2016
149	Hộ ông Nguyễn Duy Toàn	001076057255	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùn	54	111	461,00	461,00	0,00	LUC	00	06	461,00	LUC	CE 397866	29/09/2016
150	Hộ ông Nguyễn Duy Tuấn	001074026630	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùn	53	160	404,00	404,00	0,00	LUC	00	05	404,00	LUC	CE 397865	29/09/2016
151	Hộ ông Nguyễn Duy Hoà	001071002192	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùn	53	234	828,00	828,00	0,00	LUC	00	04	828,00	LUC	CE 397863	29/09/2016
152	Hộ ông Nguyễn Duy Hiệp (Nguyễn Huy Hiệp)	001064039654	Bình Đức, Long Xuyên, An Giang	Điểm Bùn	53	146	648,00	648,00	0,00	LUC	00	03	648,00	LUC	CE 397867	29/09/2016
153	Hộ bà Nguyễn Thị Khanh	001176015366	Thôn Lê Dương	Điểm Bùn	53	123	636,00	636,00	0,00	LUC	00	01	636,00	LUC	CE 586200	30/09/2016
154	Hộ ông Phan Văn Thuyết	001065040029	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùn	53	177	1.543,00	1.543,00	0,00	LUC	00	04	1543,00	LUC	CE 586203	30/09/2016
155	Hộ ông Phan Thanh Tùng	001072044843	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùn	53	242	665,00	665,00	0,00	LUC	00	03	665,00	LUC	CE 586206	30/09/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
156	Hộ bà Phan Thị Vòng	001155028429	Thôn Bùi Xá	Điểm Bù	53	163	1.112,00	1.112,00	0,00	LUC	00	02	1112,00	LUC	CE 397393	30/09/2016
157	Hộ ông Bùi Văn Tuấn	001084012092	Thôn Bùi Xá	Điểm Bù	53	153	1.574,00	1.574,00	0,00	LUC	00	01	1574,00	LUC	CE 586210	30/09/2016
158	Hộ ông Nguyễn Văn Kha	001066043852	Thôn Bùi Xá	Điểm Bù	53	152	605,00	605,00	0,00	LUC	00	3	605,00	LUC	CH 210003	28/12/2016
159	Nguyễn Thị Lôi	001146009732	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	44	113	2.132,00	2.132,00	0,00	LUC	00	01	2132,00	LUC	CE 397920	29/09/2016
160	Hộ ông Kiều Minh Duy	001084029103	Thôn Bùi Xá	Điểm Bù	53	204	814,00	814,00	0,00	LUC	00	02	814,00	LUC	CE 397897	29/09/2016
161	Hộ bà Kiều Thị Chinh	001187037277	Thôn Gia Vĩnh	Điểm Bù	53	165	544,00	544,00	0,00	LUC	00	03	544,00	LUC	CE 397898	29/09/2016
162	Hộ ông Nguyễn Thanh Văn	001061034010	Thôn Bùi Xá	Điểm Bù	53	164	982,00	982,00	0,00	LUC	00	01	982,00	LUC	CE 397646	27/09/2016
163	Hộ ông Trần Văn Biện	001060040817	Thôn Bùi Xá	Điểm Bù	53	169	620,00	620,00	0,00	LUC	00	01	620,00	LUC	CE 397900	29/09/2016
164	Hộ ông Nguyễn Văn Nghi (Vợ Đàm Thị Miên đại diện)	001167034876	Thôn Bùi Xá	Điểm Bù	53	182	455,00	455,00	0,00	LUC	00	1	455,00	LUC	CH 210048	28/12/2016
165	Hộ ông Vũ Chí Hường	001084004243	Thôn Bùi Xá	Điểm Bù	53	184	243,00	243,00	0,00	LUC	00	02	243,00	LUC	CE 397884	29/09/2016
166	Hộ ông Nguyễn Văn Trào	001082049731	Thôn Bùi Xá	Điểm Bù	53	215	523,00	523,00	0,00	LUC	00	08	523,00	LUC	CE 397875	29/09/2016
167	Hộ ông Nguyễn Văn Phóng	001089001219	Thôn Bùi Xá	Điểm Bù	53	219	523,00	523,00	0,00	LUC	00	09	523,00	LUC	CE 397876	29/09/2016
168	Hộ bà Nguyễn Thị Hậu	001174019332	Thôn Bùi Xá	Điểm Bù	53	213	231,00	231,00	0,00	LUC	00	3	231,00	LUC	CH 210023	28/12/2016
169	Hộ ông Đỗ Văn Quang	001165017280	Thôn Bùi Xá	Điểm Bù	53	190	1.090,00	1.090,00	0,00	LUC	00	01	1090,00	LUC	CE 397313	30/09/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
170	Lê Thanh Tú	001078014911	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùn	53	225	551,50	551,50	0,00	LUC	00	04	551,50	LUC	CE 397892	29/09/2016
171	Nguyễn Thị Tuyết	001176008732	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	45	276,00	276,00	0,00	LUC	00	05	276,00	LUC	CE 397886	29/09/2016
172	Hộ ông Nguyễn Tiến Vượng	001089051535	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	118	1.011,00	1.011,00	0,00	LUC	00	01	1011,00	LUC	CE 387661	27/09/2016
173	Hộ bà Đàm Thị Minh Tứ	001184048817	Thôn Bùi Xá	Điểm Ván	61	14	169,60	169,60	0,00	LUC	00	01	169,60	LUC	CE 397333	30/09/2016
174	Hộ bà Trần Thị Kim Anh	001173004649	2 Ngõ 358/25/86 BXT, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	Điểm Ván	61	12	376,80	376,80	0,00	LUC	00	2	376,80	LUC	CH 210044	28/12/2016
175	Đàm Hồng Kiều	001080012796	Thôn Bùi Xá	Điểm Bùn	53	217	764,00	764,00	0,00	LUC	00	04	764,00	LUC	CE 397909	29/09/2016
176	Hộ ông Đỗ Huy Huấn	001086031237	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	97	202,00	202,00	0,00	LUC	00	07	202,00	LUC	CE 397861	29/09/2016
				Điểm Ván	53	229	200,00	200,00	0,00	LUC	00	04	200,00	LUC		
177	Hộ ông Đỗ Huy Phương	001076006690	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	96	403,00	403,00	0,00	LUC	00	05	403,00	LUC	CE 397859	29/09/2016
				Điểm Ván	53	233	399,00	399,00	0,00	LUC	00	03	399,00	LUC		
178	Hộ ông Đỗ Huy Bình	001077020542	Thôn Bùi Xá	Điểm Ván	61	2	200,00	200,00	0,00	LUC	00	02	200,00	LUC	CE 397860	29/09/2016
179	Hộ bà Nguyễn Thị Dự	001182024018	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	104	202,00	202,00	0,00	LUC	00	08	202,00	LUC	CE 397862	29/09/2016
				Điểm Ván	61	3	200,00	200,00	0,00	LUC	00	01	200,00	LUC		
180	Hộ ông Đỗ Huy Trường	001054006661	Thôn Bùi Xá	Sáo	54	95	804,00	804,00	0,00	LUC	00	04	804,00	LUC	CE 397858	29/09/2016
				Điểm Ván	61	6	796,00	796,00	0,00	LUC	00	05	796,00	LUC		
181	Hộ ông Lê Mã Lương	001055005389	Thôn Bùi Xá	Điểm Ván	53	209	571,00	571,00	0,00	LUC	00	02	571,00	LUC	CE 397392	30/09/2016
182	Hộ bà Phan Thị Thìn	001153004038	Thôn Bùi Xá	Điểm Ván	53	221	1.180,00	1.180,00	0,00	LUC	00	01	1180,00	LUC	CE 586190	30/09/2016
183	Hộ ông Đàm Hồng Hường	001084076841	Thôn Bùi Xá	Điểm Ván	53	203	387,00	387,00	0,00	LUC	00	03	387,00	LUC	CG 185965	30/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
184	Hộ ông Đàm Hồng Hiếu	001071048612	30 Dương Đình Khu 1, Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương	Diễm Vân	53	191	593,00	593,00	0,00	LUC	00	02	593,00	LUC	CE 397338	30/09/2016
185	Hộ ông Nguyễn Văn Khiêm	001064006056	Thôn Bùi Xá	Diễm Vân	53	180	900,00	900,00	0,00	LUC	00	01	900,00	LUC	CE 397657	27/09/2016
186	Hộ ông Nguyễn Mạnh Chiến	001083018224	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	54	15	755,00	755,00	0,00	LUC	00	01	755,00	LUC	CE 397421	30/09/2016
187	Hộ ông Kiều Hữu Phước	001085043260	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	54	12	640,00	640,00	0,00	LUC	00	01	640,00	LUC	CE 397271	30/09/2016
188	Hộ ông Nguyễn Văn Thắng	001078045791	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	54	11	755,00	755,00	0,00	LUC	00	02	755,00	LUC	CE 397422	30/09/2016
189	Hộ ông Nguyễn Thành Phi	001051013540	Thôn Bùi Xá	Diễm Vân	53	166	1.343,00	1.343,00	0,00	LUC	00	01	1343,00	LUC	CE586187	30/09/2016
190	Hộ ông Nguyễn Văn Hải	001067006450	Thôn Bùi Xá	Diễm Vân	53	158	2.063,00	2.063,00	0,00	LUC	00	10	2063,00	LUC	CE 397276	30/09/2016
191	Hộ ông Dương Đình Thái	001062052434	Thôn Bùi Xá	Diễm Vân	53	145	92,00	92,00	0,00	LUC	00	12	92,00	LUC	CH 210032	28/12/2016
192	Hộ ông Dương Văn Mạnh	001060032273	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	53	46	417,00	417,00	0,00	LUC	00	03	417,00	LUC	CE 397274	30/09/2016
				Diễm Vân	53	131	1.101,00	1.101,00	0,00	LUC	00	02	1101,00	LUC		
193	Hộ ông Bùi Văn Triển	001089015299	Thôn Bùi Xá	Diễm Vân	53	138	156,00	156,00	0,00	LUC	00	01	156,00	LUC	CE 397261	30/09/2016
194	Hộ ông Đàm Văn Thanh	001052002082	Thôn Bùi Xá	Diễm Vân	53	125	728,00	728,00	0,00	LUC	00	02	728,00	LUC	CE 397917	29/09/2016
195	Hộ ông Đàm Duy Phước	001084014653	Thôn Bùi Xá	Diễm Vân	53	117	482,00	482,00	0,00	LUC	00	03	482,00	LUC	CE 397919	29/9/2016
196	Hộ ông Hoàng Đức Quân	001061007056	Thôn Bùi Xá	Diễm Vân	53	102	1.264,00	1.264,00	0,00	LUC	00	01	1264,00	LUC	CE 397269	30/09/2016
197	Hộ ông Nguyễn Văn Hiếu	001071021641	Thôn Bùi Xá	Diễm Vân	53	88	933,00	933,00	0,00	LUC	00	01	933,00	LUC	CE 397676	27/09/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
198	Hộ ông Đàm Văn Du	001056024173	Thôn Bùi Xá	Diềm Vãn	53	81	1.501,00	1.501,00	0,00	LUC	00	2	1582,00	LUC	CH 210021	28/12/2016
199	Hộ bà Lê Thị Tý	001160049811	Thôn Bùi Xá	Bồ O	45	31	639,00	639,00	0,00	LUC	00	01	639,00	LUC	CE 397312	30/09/2016
				Diềm Vãn	53	83	639,00	639,00	0,00	LUC	00	02	639,00	LUC		
200	Hộ ông Lê Văn Phương	001064036389	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	53	61	972,00	972,00	0,00	LUC	00	04	972,00	LUC	CE 397310	30/09/2016
201	Hộ bà Kiều Thị Kim Cúc	001191038245	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	53	66	226,00	226,00	0,00	LUC	00	03	226,00	LUC	CE 397267	30/09/2016
202	Hộ ông Nguyễn Văn Lâm	001078002844	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	53	71	1.270,00	1.270,00	0,00	LUC	00	01	1270,00	LUC	CE 397677	27/9/2016
203	Hộ bà Nguyễn Thị Nhanh	001182027306	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	53	57	486,00	486,00	0,00	LUC	00	02	486,00	LUC	CE 397678	27/09/2016
204	Hộ ông Nguyễn Văn Hoạt	001067012643	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	54	8	1.687,00	1.687,00	0,00	LUC	00	02	1687,00	LUC	CE 397265	30/09/2016
205	Hộ ông Nguyễn Văn Tuấn	001082012885	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	53	54	367,50	367,50	0,00	LUC	00	3	367,50	LUC	CH 210046	28/12/2016
206	Hộ ông Nguyễn Văn Mão	001087031260	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	53	51	367,50	367,50	0,00	LUC	00	9	367,50	LUC	CH 210045	28/12/2016
207	Hộ ông Đàm Văn Hoạt	001080042742	Thôn Bùi Xá	Thối Cò	44	62	486,00	486,00	0,00	LUC	00	02	486,00	LUC	CE 397325	30/09/2016
II.	TỔNG CỘNG						194.759,30	194.533,80	225,5							